

Số: 1294 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án quản lý dịch hại
trên một số cây trồng vụ xuân năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Thực hiện Phương án số 225/PA-TT&BVTV ngày 15 tháng 6 năm 2020 của
Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Bắc Kạn về quản lý dịch hại trên một
số cây trồng chính vụ mùa năm 2020;*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh thành phố Bắc Kạn tại Tờ trình số 114/TTr-KT
ngày 18 tháng 6 năm 2020,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính vụ mùa năm 2020 thành phố Bắc Kạn.

(Có Phương án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan và UBND các xã, phường tổ chức thực hiện Phương án Quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính vụ mùa năm 2020 thành phố Bắc Kạn theo đúng nội dung Phương án đã được phê duyệt và quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3;
- TT Thành uỷ, HĐND TP;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Lưu VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Diệp

PHƯƠNG ÁN

Quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính vụ mùa năm 2020.

(Kèm theo Quyết định số 1294 /QĐ-UBND ngày 22 /6/2020
của UBND thành phố Bắc Kạn)

Để chủ động trong công tác chỉ đạo sản xuất đối với lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật vụ mùa năm 2020, UBND thành phố xây dựng Phương án quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính vụ mùa năm 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SẢN XUẤT TRONG VỤ

1. Thời tiết

Theo dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, thời tiết vụ mùa 2020 sẽ diễn biến bất thường và phức tạp. Đầu vụ nóng, nắng và hạn, cuối vụ có xu thế mưa, gió lớn hơn trung bình nhiều năm

- *Nhiệt độ*: Nhiệt độ trung bình từ tháng 6-10/2020 ở khu vực Bắc Bộ phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ khoảng 0,5 - 1°C. Dự báo, nắng nóng sẽ xuất hiện trong tháng 6 đến nửa đầu tháng 8/2020. Các đợt nắng nóng tập trung từ nửa cuối tháng 6.

- *Lượng mưa*: Khu vực Bắc Bộ tổng lượng mưa từ tháng 7-10/2020 phổ biến xấp xỉ so với TBNN, riêng tháng 6/2020 phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 10-25%.

Như vậy, vụ mùa 2020 sẽ nóng hơn so với vụ mùa 2019. Đây là điều kiện thuận lợi cho một số sâu bệnh phát sinh gây hại như: Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn, bệnh lùn sọc đen...

2. Kế hoạch sản xuất

2.1. Diện tích

- Tổng sản lượng lương thực có hạt vụ mùa đạt 2.030 tấn.

- Cây lúa: Diện tích 350 ha, năng suất lúa 50 tạ/ha; sản lượng 1.750 tấn, trong đó diện tích sử dụng giống lúa chất lượng 30 ha.

- Cây ngô: Diện tích 80 ha, năng suất 35 tạ/ha; sản lượng 280 tấn.

- Cây rau, đậu các loại: Tổng diện tích 81 ha, trong đó cây rau các loại 75 ha, năng suất 130 tạ/ha, sản lượng 975 tấn; cây đậu các loại 6 ha, năng suất 16 tạ/ha, sản lượng 10 tấn.

- Tiếp tục chăm sóc diện tích cây khoai môn để thu được năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao nhất.

- Cây chè: Chăm sóc diện tích chè hiện có để thu hái đạt sản lượng cả năm 116 tấn.

- Cây ăn quả: Tiếp tục chăm sóc diện tích cây ăn quả hiện có, phòng trừ sâu bệnh hại, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm đạt sản lượng 543 tấn cam, quýt và 56 tấn hồng không hạt. Thực hiện thâm canh, cải tạo 20 ha cam, quýt; diện tích được chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc VietGAP là 10 ha cam, quýt.

2.2. Về cơ cấu giống, thời vụ gieo trồng

- Cây lúa: Đối với lúa mùa sớm tập trung gieo mạ trung tuần tháng 5, kết thúc cấy đầu tháng 6 để thu hoạch trước 20/9 kịp gieo trồng ngô đông.

Đối với lúa mùa chính vụ, thời vụ gieo cấy càng sớm càng tốt, thu hoạch lúa xuân đến đâu làm đất ngay đến đó. Hướng dẫn, chỉ đạo người dân gieo mạ trong tháng 6, kết thúc cấy tháng 7/2019.

Bố trí các nhóm giống lúa có cùng thời gian sinh trưởng theo từng vùng sản xuất để thuận lợi cho chăm sóc, quản lý sâu bệnh và thu hoạch, cụ thể như sau:

+ Nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 105 - 110 ngày, gồm có Khang dân (*KD đột biến, KD 18*), Việt lai 20, Hà Phát 3 sử dụng gieo trồng phù hợp trên chân đất trồng cây vụ đông.

+ Trên diện tích đất lúa không trồng cây vụ đông, có thể sử dụng các giống lúa chất lượng, có thời gian sinh trưởng từ 120 - 130 ngày để gieo cấy, tăng cường việc liên kết sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa như giống Bao thai, Hương thơm số 1, Nếp 97 và Khẩu nua lếch, Sán ưu 63 (*Tạp giao 1*), Nhị ưu 63, Nhị ưu 838, 27P31, Kim Cương 111, Sơn Lâm 1.

Đối với các vùng sản xuất thường xuyên phát sinh các đối tượng dịch hại, đặc biệt là nơi có bệnh đạo ôn gây hại, khuyến cáo sử dụng các giống đã được gieo cấy tại địa phương nhiều vụ (*3 vụ trở lên*) cho năng suất, chất lượng và có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt để người dân lựa chọn gieo trồng. Tuyệt đối không đưa các giống mới chưa được đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh tại địa phương vào sản xuất.

- Cây ngô: Ngô hè thu trồng trên đất ruộng và soi bãi hoàn thành xong trước 10/6; đối với ngô đông trồng xong trước 20/7; cây ngô đông trồng xong trước 20/9.

Sử dụng các giống ngô lai có tiềm năng năng suất như: NK4300, CP511, Biosed 9698, CP3Q, CP999, AG59, MX10, HN88; các giống ngô biến đổi gen NK4300 Bt/GT, CP.501S có khả năng kháng sâu đục thân và sâu keo mùa thu cao.

Lưu ý: Không sử dụng các giống ngô biến đổi gen cho sản xuất hữu cơ.

- Cây công nghiệp ngắn ngày: Đậu tương hè kết thúc trồng trong tháng 7, gieo trồng các giống DT84, DT90, DT96, VX9-3. Lạc kết thúc trồng trong tháng 9, gieo trồng các giống L14, L12.

- Cây rau, đậu các loại: Phát triển các loại rau, đậu phục vụ nhu cầu tiêu dùng đời sống hàng ngày như cây dưa chuột, bí xanh, bí đỏ, đậu xanh, đậu cô ve, rau đay, rau muống, mùng tơi... và các loại rau vụ Hè thu. Trên cơ sở đất đai, nhu cầu thị trường, tập quán và kinh nghiệm canh tác để gieo trồng các loại rau cho phù hợp.

II. DỰ BÁO DỊCH HẠI TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH

1. Cây lúa

1.1. Ốc bươu vàng

Ốc bươu vàng gây hại lúa giai đoạn cây - đẻ nhánh, tập trung gây hại trên những diện tích cây mạ non, mạ xúc; cá biệt gây hại nặng tại những vùng dịch cũ, những ruộng có đường dẫn nước trực tiếp từ suối, mương; mật độ phổ biến 1-2 con/m², cao 20 con/m², cá biệt 60-70 con/m², phải cấy dặm hoặc cấy lại nếu không tích cực phòng trừ.

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương vụ mùa năm 2019.

1.2. Rầy nâu, rầy lưng trắng

Rầy lưng trắng là môi giới truyền bệnh lùn sọc đen vì vậy cần phải thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện, để có những biện pháp phun trừ kịp thời. Cần chú ý các đợt rầy chính thường xuất hiện trong khoảng thời gian sau:

- Lúa 4: Rầy cám nở rộ cuối tháng 6 - đầu tháng 7, gây hại trên mạ mùa chính vụ và lúa mùa sớm trong tháng 7. Mật độ thấp, gây hại nhẹ.

- Lúa 5: Rầy cám nở rộ từ giữa đến cuối tháng 7, mật độ phổ biến thấp, cá biệt 1.500-2.000 con/m².

- Lúa 6: Rầy cám nở rộ tập trung vào trung tuần tháng 8. Hại diện rộng trên lúa mùa sớm giai đoạn đồng - trổ, chắc xanh, lúa mùa chính vụ giai đoạn cuối đẻ nhánh - đứng cái, mật độ phổ biến 1.000-1.500 con/m², cao 3.000 - 5.000 con/m², cá biệt 7.000 con/m². Đây là lúa chính trong vụ, nếu không chủ động theo dõi và phòng trừ, có thể “cháy rầy” cục bộ.

- Lúa 7: Rầy cám nở rộ từ giữa đến cuối tháng 9, mật độ phổ biến thấp, cá biệt 2.000 con/m².

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại cao hơn vụ mùa 2019.

1.3. Sâu cuốn lá nhỏ

- Lúa 5: Trưởng thành vũ hóa rộ tập trung từ giữa đến cuối tháng 7. Sâu non gây hại cục bộ từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8 trên trà lúa mùa sớm giai đoạn đứng cái - ôm đồng, trà lúa mùa chính vụ giai đoạn đẻ nhánh, mật độ phổ biến 10 - 20 con/m², cá biệt 30 - 40 con/m².

- Lúa 6: Trưởng thành vũ hóa tập trung vào trung tuần tháng 8. Gây hại trên diện rộng, sâu non hại mạnh tập trung vào cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 trên các trà lúa giai đoạn đứng cái - làm đồng, mật độ phổ biến 20 - 30 con/m², cục bộ trên 70 con/m².

- Lúa 7: Trưởng thành vũ hóa rộ từ giữa đến cuối tháng 9. Sâu non hại diện hẹp.

Dự báo diện tích nhiễm và mức độ gây hại cao hơn vụ mùa năm 2019.

1.4. Sâu đục thân

- Lúa 4: Trưởng thành vũ hóa rộ khoảng giữa tháng 8, sâu non gây ung đồng, bông bạc lúa mùa sớm giai đoạn ôm đồng - trổ bông, gây danh héo trên trà

lúa mùa chính vụ giai đoạn đẻ nhánh (cuối tháng 8). Mức độ gây hại nhẹ, cục bộ tỷ lệ cao 20 - 30%.

- Lúa 5: Trưởng thành vũ hóa rộ vào giữa tháng 9, đến cuối tháng 9 sâu non gây ung đòng, bông bạc trên trà lúa chính vụ giai đoạn ôm đòng - trở bông, tỷ lệ bông bạc phổ biến 1-2%, nơi cao 5-10%, cá biệt 20%.

- Lúa 6: Gây hại nhẹ rải rác trên diện tích lúa mùa cấy muộn.

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương vụ mùa năm 2019.

1.5. Bệnh lùn sọc đen

Thời tiết vụ mùa 2020 thuận lợi cho cả rầy lưng trắng và bệnh lùn sọc đen phát triển và lây lan trên diện rộng. Bệnh phát sinh từ đầu đến cuối vụ nhưng chủ yếu hại mạnh giai đoạn lúa đẻ nhánh đến trở, trên các giống nhiễm rầy lưng trắng. Chú ý điều tra, phát hiện bệnh trên những diện tích nhiễm bệnh của vụ trước, những nơi có mật độ rầy cao để có biện pháp phòng trừ kịp thời theo hướng dẫn tại quy trình kỹ thuật quản lý bệnh lùn sọc đen hại lúa ban hành theo Công văn số 768/UBND-KT ngày 08/6/2018 của UBND thành phố Bắc Kạn.

Dự báo diện tích nhiễm và mức độ gây hại cao hơn vụ mùa 2019.

1.6. Bệnh đạo ôn

- Bệnh đạo ôn lá: Phát sinh gây hại từ đầu tháng 7, phát triển và gây hại trên diện rộng từ giữa tháng 8 đến đầu tháng 9, hại nặng trên những giống nhiễm và giống ngoài cơ cấu như: BC15, C70, Syn 6, ĐS1, J02... diện tích bón thúc thừa phân đạm và những ruộng trong khe thiếu ánh sáng, tỷ lệ bệnh phổ biến 3-5%, cao 10-15%, cá biệt lụi từng chòm, từng thửa.

- Cuối tháng 9, đầu tháng 10 bệnh đạo ôn cổ bông phát triển và gây hại trên những giống nhiễm và những diện tích đã nhiễm đạo ôn lá. Tỷ lệ bông bị hại phổ biến 2-3%, cao 30%, cá biệt 50%.

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại thấp hơn vụ mùa năm 2019.

1.7. Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn

Thời tiết nắng nóng, có mưa gió lớn trong vụ mùa là điều kiện thuận lợi cho bệnh bạc lá và bệnh đốm sọc vi khuẩn bùng phát. Bệnh phát sinh từ giữa cuối tháng 7 đến cuối vụ. Bệnh hại chủ yếu trên các giống lúa lai, lúa thuần Trung Quốc và các giống lúa có bản lá to, màu xanh đậm. Những ruộng bón phân không cân đối, bón thừa đạm bệnh sẽ hại nặng. Tỷ lệ hại phổ biến 5 - 10 %, cao 30%, cá biệt 50%.

Diện tích nhiễm và mức độ hại cao hơn vụ mùa năm 2019.

1.8. Bệnh khô vằn

Bệnh phát sinh, gây hại trên các trà lúa, cao điểm gây hại vào khoảng giữa tháng 8 đến cuối tháng 9, hại nặng trên những diện tích cấy dày, nhiều đánh, bón phân không cân đối, tỷ lệ bệnh phổ biến 5%, cao 20%.

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại cao hơn vụ mùa năm 2019.

*** Các loại sâu bệnh khác cần chú ý theo dõi, phòng trừ:**

- Bệnh nghệt rế, sâu năn hại đầu vụ.

- Nhện gié gây hại mạnh trong điều kiện thời tiết nắng nóng, khô hạn.
- Bệnh đen lép hạt, bọ xít hại lúa giai đoạn trổ đến chắc xanh.
- Chuột gây hại khi cây lúa bắt đầu làm đòng - chín, gây hại tập trung tại những ruộng cạn nước, trong khe, ven làng.
- Châu chấu tre lưng vàng hại những ruộng ven khe, ven rừng vầu tại các huyện Ngân Sơn, Na Rì.

2. Cây ngô: Dự báo diện tích nhiễm và mức độ gây hại của sâu bệnh tương đương vụ mùa năm 2019.

2.1. Bệnh lùn đẻ nhánh, hiện tượng lùn cây ngô, bệnh sưng mai: Gây hại mạnh trên những diện tích nhiễm vụ trước, chủ yếu gây hại trong giai đoạn phát triển thân lá.

2.2. Bệnh khô vằn: Gây hại cục bộ trên những diện tích trồng dày, bón thừa đạm, ruộng không thoát nước giai đoạn trổ cờ đến cuối vụ; tỷ lệ bị hại cá biệt 10-20% số cây.

2.3. Sâu keo mùa thu: Gây hại trên những diện tích bị hại từ các vụ trước. Phát sinh hại rải rác từ đầu tháng 8 và gây hại mạnh vào đầu đến giữa tháng 9 (giai đoạn ngô 3 - 6 lá), mật độ phổ biến 1 con/m²; cao 8 - 10 con/m², cá biệt 15 con/m²

2.4. Sâu gai: Gây hại cục bộ trên những diện tích nhiễm của vụ trước, sâu phát sinh gây hại từ cuối tháng 6 đầu tháng 7, sâu non gây hại mạnh trên những diện tích trồng sớm từ tháng 7 đến cuối vụ.

* **Các loại sâu bệnh khác:** Sâu xám, rệp, bệnh khô vằn, bệnh thối thân, bệnh đốm lá, bệnh lùn sọc đen, chuột, châu chấu tre lưng vàng gây hại.

3. Cây cam, quýt: Dự báo diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương vụ mùa năm 2019.

3.1. Bệnh vàng lá thối rễ: Bệnh hại nặng vào khoảng tháng 7-9, bệnh thường phát sinh ở những vườn rậm rạp, bón phân không cân đối; nếu không phòng trừ kịp thời bệnh nặng gây vàng lá, rụng lá, cây chết khô.

3.2. Bọ xít xanh: Phát sinh gây hại từ đầu tháng 9 - tháng 11, nếu không phòng trừ sẽ gây rụng quả.

3.3. Ruồi đục quả, Ngài chích quả: Gây hại từ cuối tháng 10 - tháng 12, hại mạnh giai đoạn quýt chín, gây thối và rụng quả hàng loạt nếu không phòng trừ kịp thời.

3.4. Nhện đỏ: Mật độ nhện cao trong mùa khô hạn, trời nắng từ tháng 4 - 6 và tháng 9 - 11. Nếu không phòng trừ, nhện hại nặng lá chuyển từ màu xanh sang màu trắng bạc, vỏ quả biến màu tạo nên những đốm sần sùi, làm giảm năng suất, phẩm chất quả.

4. Cây lâm nghiệp

4.1. Sâu róm hại thông: Phát sinh, gây hại tại các vùng trồng thông tập trung từ giữa tháng 9, mật độ sâu non phổ biến 100-150 con/cây, cao 500 con/cây.

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương cùng kỳ năm 2019.

4.2. Châu chấu tre hại vầu, tre, nứa: Gây hại tại những khu vực thường xuyên xuất hiện vào các năm trước. Chú ý theo dõi hướng di chuyển châu chấu, xác định vị trí châu chấu gây hại để có biện pháp phòng trừ kịp thời. Vào tháng 9, 10 tập trung xác định vị trí châu chấu để trứng để có biện pháp xử lý cho năm tiếp theo.

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại thấp hơn cùng kỳ năm 2019.

4.3. Các loại sâu bệnh khác cần chú ý theo dõi, phòng trừ:

- *Mối, bệnh chết héo* hại cây keo.

- *Bệnh thán thư hại cây hồi* trên các diện tích nhiễm cũ chưa được phun trừ.

5. Cây trồng khác

5.1. Cây Dong riềng: Bệnh thối thân, bệnh cháy lá hại nặng tại những diện tích trồng dày, không thoát nước, những diện tích đất nghèo dinh dưỡng, diện tích năm trước bị bệnh; tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, cá biệt 40-50%, ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây

5.2. Cây Gừng, Nghệ: Bệnh cháy lá, thối củ phát sinh gây hại từ tháng 7; hại mạnh từ tháng 8 trở đi, trên những diện tích năm trước bị bệnh, diện tích sử dụng củ giống đã bị nhiễm bệnh. Nếu không phòng trừ kịp thời bệnh gây lụi từng chòm, giảm năng suất, cục bộ không cho thu hoạch.

5.3. Cây chè: Chú ý phòng trừ lúa *Bọ xít muỗi* gây hại từ giữa đến cuối tháng 10, đặc biệt là những diện tích bị hại nặng ở những lúa trước.

III. CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ

1. Phòng Kinh tế thành phố

- Tham mưu thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quản lý dịch hại đối với lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, sâu bệnh hại trên cây trồng và hướng dẫn kịp thời cho các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả trong sản xuất.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc buôn bán và sử dụng thuốc BVTV trên địa bàn.

- Tham mưu cho UBND thành phố về công tác tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị về công tác tổ chức thực hiện Phương án quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính vụ mùa năm 2020; tổng hợp báo cáo cấp trên theo quy định.

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố

- Tổ chức điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo tình hình dịch hại trên cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng (QCVN 01-38:2010/BNNPTNT) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật (Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014).

- Đề xuất các chủ trương, biện pháp phòng trừ kịp thời có hiệu quả, bảo vệ an toàn cho sản xuất. Tổ chức điều tra bổ sung trước, trong và sau cao điểm sâu, bệnh hại. Thông báo và chỉ đạo phòng trừ kịp thời sâu, bệnh hại trong cao

điểm. Không để dịch sâu, bệnh xảy ra ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và chất lượng cây trồng.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân gieo trồng đúng lịch thời vụ, chăm sóc kịp thời, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng khỏe, có khả năng chống chịu sâu bệnh; thường xuyên thăm đồng và chủ động phòng trừ kịp thời; sử dụng thuốc BVTV theo kỹ thuật “4 đúng”.

- Báo cáo đầy đủ, kịp thời cho cấp trên theo quy định.

3. Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thông thành phố

Tăng thời lượng phát sóng, thông tin tuyên truyền về các giống cây trồng nằm trong cơ cấu chỉ đạo sản xuất vụ mùa, các biện pháp kỹ thuật, tình hình phát sinh, phát triển và biện pháp phòng trừ các đối tượng dịch hại trên cây trồng chính kịp thời.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chỉ đạo các cửa hàng, đại lý kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn quản lý tuân thủ nghiêm các quy định về điều kiện kinh doanh thuốc BVTV, cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại thuốc BVTV để người dân chủ động phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, nông sản.

- Hướng dẫn người dân gieo trồng đúng lịch thời vụ, chăm sóc kịp thời, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng nhanh, khỏe, có khả năng chống chịu sâu bệnh; thường xuyên thăm đồng và chủ động phòng trừ khi mật độ sâu, tỷ lệ bệnh hại cao; sử dụng thuốc theo kỹ thuật “4 đúng”.

- Thông tin đầy đủ nội dung các bản thông báo tình hình sâu bệnh hại, triển khai phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời đến các thôn, tổ dân phố và người dân; đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn (*Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố*) tình hình dịch hại trên địa bàn.

- Kịp thời huy động mọi nguồn lực tại địa phương để hỗ trợ người dân trong sản xuất nông nghiệp cũng như công tác phòng trừ dịch hại cho cây trồng.

Trên đây là nội dung Phương án quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính vụ mùa năm 2020 của UBND thành phố Bắc Kạn. Đề nghị các đơn vị có tên trên triển khai thực hiện tốt, đảm bảo năng suất, sản lượng cây trồng đạt kế hoạch đề ra; trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc kịp thời thông báo về UBND thành phố (*qua Phòng Kinh tế*) để thống nhất cách giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Diệp